

ĐỀ THI THỬ NGHIỆM
(Đề này có 4 trang)

Mã đề 001

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 41. Ở nước ta, tình trạng thiếu việc làm là nét đặc trưng của khu vực

- A. đồng bằng. B. miền núi. C. trung du. D. nông thôn.

Câu 42. Vùng biển mà Nhà nước Việt Nam có chủ quyền hoàn toàn về mặt thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lí tài nguyên là

- A. vùng lãnh hải. B. vùng thềm lục địa. C. vùng nội thủy. D. vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 43. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hai tỉnh có sản lượng nuôi trồng thủy sản nhiều nhất nước ta (năm 2007) là:

- A. Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu. B. Kiên Giang, An Giang.
C. An Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu. D. An Giang, Đồng Tháp.

Câu 44. Đặc điểm nào sau đây **không** nổi bật ở đồng bằng châu thổ sông Hồng ?

- A. Có hệ thống đê bao ngăn lũ. B. Bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành từng ô.
C. Thủy triều lấn sâu vào mùa cạn. D. Vùng trong đê không được bồi tụ phù sa.

Câu 45. Khó khăn lớn nhất do sự tập trung lao động đông ở các đô thị lớn ở nước ta là

- A. bảo vệ môi trường. B. giải quyết việc làm.
C. khai thác tài nguyên thiên nhiên. D. đảm bảo phúc lợi xã hội.

Câu 46. Vùng có thế mạnh nhất trong phát triển tổng hợp kinh tế biển ở nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đông Nam Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 47. Tính chất ẩm của khí hậu nước ta là do ảnh hưởng sâu sắc bởi

- A. gió mùa mùa Đông. B. địa hình nhiều đồi núi. C. vĩ độ địa lí. D. giáp với Biển Đông.

Câu 48. Ở vùng Bắc Trung Bộ, cà phê được trồng chủ yếu tại

- A. Quảng Bình, Quảng Trị. B. Nghệ An, Quảng Trị.
C. Nghệ An, Hà Tĩnh. D. Thanh Hoá, Nghệ An.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, trung tâm công nghiệp **không** thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. Phúc Yên. B. Thái Nguyên. C. Việt Trì. D. Hải Dương.

Câu 50. Đảo **không** nằm trong vùng vịnh Bắc Bộ của nước ta là

- A. Cồn Cỏ. B. Cái Bàu. C. Cô Tô. D. Vân Đồn.

Câu 51. Nhà máy thủy điện nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ ?

- A. Vĩnh Sơn. B. Sông Hinh. C. Rào Quán. D. A Vương.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết khu vực nào sau đây có lượng mưa trung bình năm thấp nhất nước ta ?

- A. Tây Nguyên. B. núi cao Tây Bắc.
C. ven biển cực Nam Trung Bộ. D. núi thấp Đông Bắc.

Câu 53. Yếu tố quan trọng nhất đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cây công nghiệp ở nước ta là

- A. tiến bộ của khoa học kĩ thuật. B. điều kiện tự nhiên thuận lợi.
C. lao động có nhiều kinh nghiệm sản xuất. D. thị trường tiêu thụ.

Câu 54. So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có

- A. đồng bằng châu thổ mở rộng.
- B. gió mùa Đông Bắc ảnh hưởng giảm sút hơn.
- C. tính chất nhiệt đới giảm dần.
- D. nhiều loại thực vật cận xích đạo hơn.

Câu 55. Vùng có kinh tế trang trại phát triển nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Tây Nguyên.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 56. Vấn đề cần chú ý đầu tiên trong việc phát triển đàn gia súc ở nước ta là

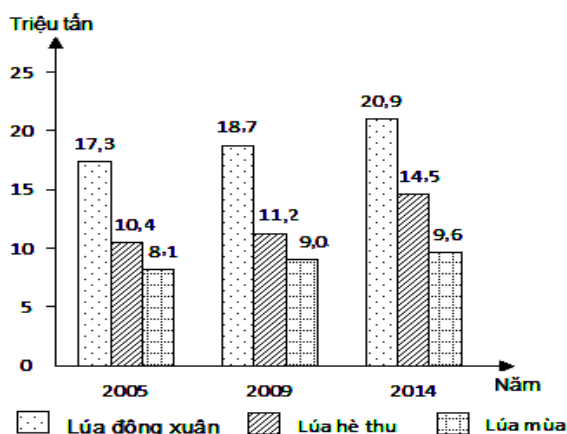
- A. nắm được nhu cầu của thị trường.
- B. phát triển thêm các đồng cỏ.
- C. giá thành sản phẩm còn cao.
- D. đảm bảo chất lượng con giống.

Câu 57. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta từ năm 2000 đến năm 2007 thay đổi theo hướng:

- A. Tỷ trọng khu vực Nhà nước và ngoài Nhà nước giảm.
- B. Tỷ trọng khu vực Nhà nước tăng, ngoài Nhà nước giảm.
- C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài luôn có tỷ trọng lớn nhất.
- D. Khu vực Nhà nước luôn có tỷ trọng nhỏ nhất.

Câu 58. Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG LÚA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 – 2014



Nhận xét nào sau đây **không** đúng về sản lượng lúa nước ta giai đoạn 2005 – 2014 ?

- A. Sản lượng lúa đông xuân tăng nhiều nhất.
- B. Sản lượng lúa các vụ không đồng đều.
- C. Sản lượng lúa mùa tăng ít nhất.
- D. Sản lượng lúa hè thu tăng liên tục.

Câu 59. So với miền Bắc, thì miền Trung nước ta có lũ quét xảy ra

- A. ít hơn.
- B. nhiều hơn.
- C. muộn hơn.
- D. sớm hơn.

Câu 60. Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc sử dụng và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. cần phải duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng.
- B. người dân cần chủ động sống chung với lũ.
- C. đẩy nhanh việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
- D. đảm bảo nguồn nước ngọt vào mùa khô.

Câu 61. Để thực hiện mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, loại hình giao thông cần được đẩy mạnh phát triển là

- A. đường ô tô.
- B. đường sắt.
- C. đường biển.
- D. đường sông.

Câu 62. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lý của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ ?

- A. Cầu nối giữa Đông Nam Bộ và Bắc Trung Bộ.
- B. Cửa ngõ ra biển của vùng Tây Nguyên.
- C. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.
- D. Tiếp giáp với Biển Đông rộng lớn.

Câu 63. Hướng phát triển nông theo chiều sâu có ý nghĩa quan trọng hàng đầu ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. giải quyết tốt vấn đề thủy lợi. B. thay đổi cơ cấu cây trồng.
C. giải quyết tốt vấn đề nước ngọt. D. đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp.

Câu 64. Ngành được chú trọng nhất trong định hướng phát triển các ngành dịch vụ của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc là

- A. du lịch. B. thương mại. C. giao thông vận tải. D. tài chính.

Câu 65. Đặc điểm nổi bật về phân hóa lãnh thổ công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận là có

- A. mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất nước.
B. nhiều trung tâm công nghiệp với giá trị sản lượng cao nhất nước.
C. các trung tâm công nghiệp lớn phân bố ở ven biển.
D. nhiều trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất nước.

Câu 66. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tình hình phát triển của ngành du lịch nước ta, giai đoạn 1995 – 2007 ?

- A. Khách nội địa tăng nhanh hơn khách quốc tế.
B. Doanh thu năm 2007 tăng 700% so với năm 1995.
C. Khách quốc tế năm 2007 tăng gấp 3 lần so với năm 1995.
D. Khách nội địa tăng chậm hơn khách quốc tế.

Câu 67. Yếu tố nào **không** phải là nguyên nhân chính gây ngập lụt ở đồng bằng sông Hồng ?

- A. Triều cường. B. Mưa bão trên diện rộng.
C. Lũ nguồn từ các hệ thống sông lớn. D. Mật độ xây dựng cao.

Câu 68. Nguyên nhân quan trọng nhất khiến cho khu vực trung du và miền núi nước ta còn gặp nhiều khó khăn trong phát triển công nghiệp là

- A. kết cấu hạ tầng yếu kém, nhất là giao thông. B. nguồn tài nguyên thiên nhiên hạn chế.
C. thị trường tiêu thụ bị cạnh tranh cao. D. thiếu nguồn lao động có tay nghề.

Câu 69. Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ YẾU CỦA NƯỚC TA (Đơn vị: triệu tấn)

Năm Mặt hàng	2010	2012	2013	2014	2015
Dầu thô	8,1	9,3	8,4	9,3	9,2
Than đá	19,9	15,2	12,8	7,3	1,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây đúng về một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của nước ta ?

- A. Sản lượng xuất khẩu dầu thô luôn lớn hơn than đá.
B. Sản lượng xuất khẩu than đá luôn lớn hơn dầu thô.
C. Sản lượng xuất khẩu dầu thô không ổn định.
D. Sản lượng xuất khẩu dầu thô tăng liên tục.

Câu 70. Trong phát triển công nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ, ngành thuộc cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng và phải đi trước một bước là

- A. giao thông vận tải. B. năng lượng. C. khai thác dầu khí. D. cơ khí.

Câu 71. Điều kiện ít hấp dẫn nhất đối với các nhà đầu tư nước ngoài vào công nghiệp ở nước ta là

- A. thị trường tiêu thụ sản phẩm. B. cơ sở hạ tầng vật chất kĩ thuật.
C. dân cư và nguồn lao động đông. D. chính sách phát triển công nghiệp.

Câu 72. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

- A. Các hệ thống sông suối có trữ năng thủy điện khá lớn.
- B. Các nhà máy thủy điện công suất lớn đã xây dựng trên các sông chính.
- C. Việc phát triển thủy điện của vùng không ảnh hưởng đến môi trường.
- D. Nhiều nhà máy thủy điện nhỏ đã và đang được xây dựng trên các phụ lưu của các sông.

Câu 73. Nhân tố tự nhiên gây nhiều khó khăn cho sản xuất nông nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. mùa khô kéo dài và sâu sắc.
- B. địa hình có sự phân bậc.
- C. chịu ảnh hưởng của sương muối, sương giá.
- D. sông ngòi ngắn và dốc.

Câu 74. Việc đảm bảo an ninh lương thực ở nước ta là cơ sở để

- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- B. chuyển dịch cơ cấu cây trồng.
- C. thúc đẩy các hoạt động công nghiệp, dịch vụ.
- D. đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp.

Câu 75. Phát biểu nào sau đây **không** phải là tác động của quá trình đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế – xã hội nước ta ?

- A. Tỷ lệ dân cư thành thị tăng nhanh.
- B. Tạo thêm việc làm cho người lao động.
- C. Làm giảm tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên.
- D. Làm chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

Câu 76. Sự phân chia thành 2 miền khí hậu ở nước ta chủ yếu dựa trên sự khác nhau về

- A. biên độ nhiệt độ và lượng mưa.
- B. nền nhiệt độ và biên độ nhiệt độ.
- C. nền nhiệt độ và lượng mưa.
- D. biên độ nhiệt độ và độ ẩm.

Câu 77. Phân bố dân cư chưa hợp lý ảnh hưởng rất lớn đến việc

- A. khai thác tài nguyên, nâng cao dân trí.
- B. khai thác tài nguyên, đào tạo nhân lực.
- C. sử dụng lao động, đào tạo nhân lực.
- D. sử dụng lao động, khai thác tài nguyên.

Câu 78. Vùng Tây Nguyên có thể trồng được cây chè do

- A. có diện tích đất badan lớn nhất nước.
- B. có một mùa đông lạnh nhiệt độ thấp.
- C. khí hậu có sự phân hoá theo độ cao.
- D. có nhiều cao nguyên với mặt bằng rộng.

Câu 79. Khí hậu có mùa đông lạnh của Trung du và miền núi Bắc Bộ là thế mạnh đặc biệt để phát triển các cây có nguồn gốc

- A. ôn đới, nhiệt đới.
- B. cận nhiệt, ôn đới.
- C. cận nhiệt, nhiệt đới.
- D. cận nhiệt, cận xích đạo.

Câu 80. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 – 2015. (Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2005	2009	2010	2014
Tổng	3 466,8	4 870,3	5 142,7	6 333,2
Khai thác	1 987,9	2 280,5	2 414,4	2 920,4
Nuôi trồng	1 478,9	2 589,8	2 728,3	3 412,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Sau khi đã xử lý số liệu, biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta phân theo các hoạt động khai thác và nuôi trồng, giai đoạn 2005 – 2014 là biểu đồ

- A. Đường.
- B. Miền.
- C. Cột chồng.
- D. Tròn.

-----HẾT-----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.